

Số: /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 72/TTr-STP ngày 26 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2025 và thay thế Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 12, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh; Chủ tịch UBND cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ĐKGDBĐ và BTNN,
- Cục KTVB&QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo và PT, TH Bắc Ninh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị, TTTT;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm
bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (sau đây viết tắt là đăng ký biện pháp bảo đảm) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 12, Thi hành án dân sự tỉnh; UBND các xã, phường (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong công tác về đăng ký biện pháp bảo đảm; bảo đảm tính phù hợp, thống nhất trong quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm; xác định vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp.

2. Bảo đảm tính khách quan, sự phối hợp chặt chẽ trong kiểm tra, giám sát, kịp thời trao đổi thông tin; đồng thời bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Ban hành hoặc tham mưu ban hành theo thẩm quyền các văn bản về đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

3. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Xây dựng thống nhất cơ sở dữ liệu đất đai tạo cơ sở cho việc thực hiện đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm.

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về đăng ký biện pháp bảo đảm.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về đăng ký biện pháp bảo đảm.

7. Nội dung khác có liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Tổ chức họp, hội nghị.

3. Tham gia hoạt động thanh tra, kiểm tra.

4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Ban hành hoặc tham mưu ban hành theo thẩm quyền các văn bản về đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản về đăng ký biện pháp bảo đảm; rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh về đăng ký biện pháp bảo đảm; tham mưu xử lý kết quả rà soát theo quy định.

2. Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản về đăng ký biện pháp bảo đảm theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

Điều 7. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã thực hiện, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 8. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý.

Điều 9. Xây dựng thống nhất cơ sở dữ liệu đất đai tạo cơ sở cho việc thực hiện đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, liên quan xây dựng thống nhất cơ sở dữ liệu đất đai tạo cơ sở cho việc thực hiện đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai khi có đề nghị.

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Thanh tra tỉnh chủ trì thực hiện:

a) Tổ chức thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm theo chức năng, nhiệm vụ; cung cấp thông tin kế hoạch thanh tra cho Sở Tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, cần thanh tra đột xuất, Thanh tra tỉnh trao đổi, thông tin với Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi thực hiện.

2. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 12 và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, tổ chức kiểm tra, kết luận, báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chủ trì thực hiện:

a) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về đăng ký biện pháp bảo đảm.

b) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hoạt động kiểm tra khi có đề nghị.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND cấp xã phối hợp thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về đăng ký biện pháp bảo đảm theo đề nghị.

Điều 11. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Sở Tư pháp tổng hợp kết quả hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai báo cáo kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tư pháp định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Điều 12. Nội dung khác có liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản bảo đảm. Tiếp nhận, xử lý các thông tin liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp giải quyết, tham mưu giải quyết theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực hiện quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

3. Thi hành án dân sự tỉnh cung cấp, trao đổi thông tin đến Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng; thay đổi hiện trạng tài sản; kê biên tài sản để thi hành án; chấm dứt việc tạm dừng đăng ký; chuyển quyền sở hữu, sử dụng; thay đổi hiện trạng tài sản; giải tỏa kê biên tài sản và các thông tin liên quan khác theo quy định.

4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 12 kịp thời gửi Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin về khó khăn, vướng mắc của các tổ chức tín dụng trong thực hiện quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

5. UBND cấp xã thực hiện hoạt động chứng thực theo quy định; thực hiện cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.

6. Hội Công chứng viên tỉnh thường xuyên nắm bắt, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các tổ chức hành nghề công chứng trong hoạt động công chứng liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm gửi về Sở Tư pháp để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nội dung công tác phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ; Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Quy chế trên địa bàn tỉnh.

2. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.